

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 52/2022/NĐ-CP ngày 08/8/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Trung tâm giám định chất lượng xây dựng và Biên bản đánh giá tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 23/7/2022.

CHỨNG NHẬN:

1. Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng thuộc Sở Xây dựng tỉnh Lai Châu.
Mã số thuế: 620017717-001.

Địa chỉ: Số 050 đường Nguyễn Văn Linh, Tổ 22, Phường Đông Phong, Thành phố Lai Châu, Tỉnh Lai Châu.

2. Tên phòng thí nghiệm: Phòng Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng – Phòng Giám định chất lượng.

Địa chỉ: Số 050 đường Nguyễn Văn Linh, Tổ 22, Phường Đông Phong, Thành phố Lai Châu, Tỉnh Lai Châu.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong Bảng danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

3. Mã số phòng thí nghiệm: LAS-XD 1270.

4. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày cấp, thay thế cho Giấy chứng nhận số 465/GCN-BXD ngày 01/9/2017.

Nơi nhận:

- Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng thuộc Sở Xây dựng tỉnh Lai Châu;
- SXD tỉnh Lai Châu (phối hợp);
- TT Thông tin (website);
- Lưu: VT, Vụ KHCN&MT.

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG



DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 1270
 (Kèm theo Giấy chứng nhận số: 244 /GCN-BXD ngày 22 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
(1)	(2)	(3)
I	XI MĂNG	
1	Xác định độ mịn, khối lượng riêng của xi măng, bề mặt riêng (tỷ diện)	TCVN 4030:2003
2	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:2011
3	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015
4	Xác định giới hạn bền nén, phương pháp nhanh	TCVN 3736:1982
5	Xác định độ nở Sunfat; độ nở thanh vữa	TCVN 6068:2004; ASTM C452
6	Xác định nhiệt thủy hóa xi măng	TCVN 6070:2005
7	Xác định độ nở autoclave	TCVN 8877:2011
8	Xác định hàm lượng mất khi nung, hàm lượng SO ₃ , cặn không tan	TCVN 141:2008
II	CÓT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA	
9	Thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:2006; ASTM C136:06; AASTHO T27-11
10	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006; ASTM C127, C128
11	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006; ASTM C127:12
12	Xác định khối lượng thể tích và độ xốp và độ rỗng	TCVN 7572-6:2006; ASTM C29:09
13	Xác định độ ẩm, độ hút nước	TCVN 7572-7:2006 ASTM C566-97
14	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006; ASTM C142-10
15	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006; ASTM C40-11
16	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006; ASTM D2938:95

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
(1)	(2)	(3)
17	Xác định độ nén đập trong và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006
18	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy (Los Angeles)	TCVN 7572-12:2006; ASTM C131, C535; AASHTO T96:02
19	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006; AASHTO T335-09
20	Xác định khả năng phản ứng kiềm - silic cho bê tông và vữa	TCVN 7572-14:2006; ASTM C 1142-04a, C 1218-99, C227-03, C88
21	Xác định hàm lượng ion clo cho bê tông và vữa	TCVN 7572-15:2006; ASTM C 1142-04a, C 1218-99
22	Xác định hàm lượng sunfat và sunfit cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-16:2006
23	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN 7572- 17:2006
24	Xác định hàm lượng bị đập vỡ	TCVN 7572-18:2006
25	Xác định hàm lượng silic oxit vô định hình	TCVN 7572-19:2006
26	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20:2006
27	Xác định góc dốc tự nhiên của cát	TCVN 8724:2012; ASTM D1883-99
28	Xác định hệ số (ES)	ASTM D2419-91
29	Xác định hàm lượng hạt lọt qua sàng có kích thước lỗ sàng 75 μm	TCVN 9205:2012
III	HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG	
30	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:1993
31	Thử độ cứng Vebe	TCVN 3107:1993
32	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:1993
33	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:1993
34	Thí nghiệm phân tích thành phần hỗn hợp bê tông	TCVN 3110:1993
35	Xác định hàm lượng bọt khí	TCVN 3111:1993
36	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:1993
37	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:1993
38	Xác định độ mài mòn	TCVN 3114:1993
39	Xác định khối lượng thể tích bê tông	TCVN 3115:1993

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
(1)	(2)	(3)
40	Xác định độ chống thấm nước	TCVN 3116:1993
41	Thử độ co	TCVN 3117:1993
42	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:1993
43	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:1993
44	Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bừa	TCVN 3120:1993
45	Xác định thời gian đông kết của bê tông	TCVN 9338:2012
46	Xác định cường độ lãng trụ và môđun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5726:1993
47	Xác định cường độ kéo khi ép chế của vật liệu liên kết bằng chất kết dính	TCVN 8862:2011
48	Đánh giá cường độ bê tông trên cầu kiện hoặc kết cấu công trình	TCXDVN 239:2006
IV	PHỤ GIA CHỐNG THẨM, PHỤ GIA HÓA HỌC CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA	
49	Phụ gia chống thấm: Xác định độ chống thấm; Thời gian khô; Độ dính bám với bê tông	TCVN 3116:1993; ASTM D4541
50	Phụ gia hóa học cho vữa và bê tông: Xác định độ pH; Tỷ trọng; Màu; Hàm lượng ion clo; Hàm lượng chất khô (tro)	TCVN 8826:2021; ASTM A370
V	KIM LOẠI VÀ MÔI HÀN	
51	Thử kéo	TCVN 197-1:2014 (ISO 6892:2009)
52	Thử uốn	TCVN 198:2008 (ISO 7438:2005)
53	Kiểm tra chất lượng mối hàn - Thử uốn	TCVN 5401:2010
54	Kiểm tra chất lượng hàn ống - Thử nén dẹt	TCVN 5402:2010
55	Thử kéo mối hàn kim loại	TCVN 5403:1991
56	Thử kéo bu lông neo, tải trọng phá hoại của bu lông, vít, vít cây, đai ốc	TCVN 1916:1995; ASTM F606; ASTM A370
57	Thử nghiệm phá hủy mối hàn kim loại - Thử kéo ngang	TCVN 8310:2010
58	Thử nghiệm phá hủy mối hàn kim loại - Thử kéo dọc	TCVN 8311:2010
59	Kiểm tra không phá hủy mối hàn - Phương pháp siêu âm	TCVN 6735:2000

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
(1)	(2)	(3)
60	Kiểm tra không phá hủy mối hàn - Phương pháp thẩm thấu; Phương pháp bột từ; Phương pháp chụp phim	TCVN 4617:2018 (ISO 3452:1998); TCVN 4396:2018 (ISO 9934:2015); TCVN 6111:2009 (ISO 5579:1998); AWS D 1.1
61	Xác định chiều dày lớp phủ sơn, mạ kẽm nóng	TCVN 2095:1993; TCVN 5408:2007 ISO 01461:1999
62	Thử uốn thép gai	TCVN 6287:1997
63	Thử kéo mối nối ống ren thép cốt bê tông	TCVN 8163:2009; ISO 15835-2:2009
VI	ĐÁT, ĐÁ TRONG PHÒNG	
64	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012; ASTM D854:00
65	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012; ASTM D2216:10
66	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012; AASHTO T89, T90
67	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014; ASTM C136-06; AASHTO T27, T88
68	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:2012; ASTM D3090:98
69	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012
70	Xác định độ chặt đầm nén tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012; 22TCN 333:2006; ASTM D1557:02; AASHTO T99,180
71	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:2012; ASTM D2937:71
72	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR) - Trong phòng thí nghiệm	22TCN 332:2006; TCVN 8821:2011; AASHTO T193
73	Xác định hệ số thấm K của đất	TCVN 8723:2012; AASHTO-T49; ASTM D2434-00

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
(1)	(2)	(3)
74	Xác định đặt trung tan rã của đất	TCVN 8718:2012
75	Xác định đặc trưng trương nở của đất	TCVN 8719:2012
76	Xác định đặc trưng co ngót của đất	TCVN 8720:2012
77	Gia cố đất bằng chất kết dính vô cơ, hóa học hoặc gia cố có tổng hợp xác định: xác định cường độ kháng ép (cường độ nén); độ bền chịu ép chệ; Môđun đàn hồi; độ ẩm tối ưu cho đất gia cố bằng xi măng (độ ẩm phương pháp khô và ướt, độ bền theo thời gian)	TCVN10379:2014; ASTM D1633:96; TCVN 8862:2011; TCVN 9843:2013 ASTM D559:96; ASTM D560:96
78	Gia cố đất nền yếu - Phương pháp trụ đất xi măng	TCVN 9403:2012
VII	HIỆN TRƯỜNG	
79	Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng phương pháp dao dai	22TCN 02:1971 TCVN 8729:2012 AASHTO T204:90
80	Xác định độ ẩm; khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	22TCN 346:2006 TCVN 8729:2012 ASTM D1556:00
81	Xác định môđun đàn hồi "E" nền đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011
82	Xác định môđun đàn hồi "E" chung của áo đường bằng cân Benkelman	TCVN 8867:2011; ASTM D4695:96; AASHTO T256:77
83	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011; ASTM E965:96
84	Xác định độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011; ASTM E950:98
85	Đo điện trở nổi đất	TCVN 9385:2012
86	Thí nghiệm nén tĩnh cọc bê tông cốt thép	TCVN 9393:2012
87	Xác định độ lún công trình dân dụng và công nghiệp bằng phương pháp đo cao hình học	TCVN 9360:2012
88	Đo chuyển vị ngang công trình	TCVN 9364:2012
89	Thí nghiệm CBR hiện trường	TCVN 8821:2011; ASTM D4429:92

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
(1)	(2)	(3)
90	Bê tông nặng - Phương pháp thử không phá hủy - Xác định cường độ nén sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nảy	TCVN 9335:2012; EN 12504; TCVN 9357:2012
91	Kết cấu bê tông cốt thép - Phương pháp điện từ xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ, vị trí và đường kính cốt thép trong bê tông	TCVN 9356:2012
92	Kiểm tra khả năng ăn mòn của cốt thép	TCVN 9348:2012
93	Trắc địa công trình xây dựng	TCVN 9398:2012
94	Xác định cường độ bê tông bằng súng bật nảy	TCVN 9334:2012
95	Thí nghiệm biến dạng nhỏ (PIT)	TCVN 9397:2012
96	Thí nghiệm cọc bằng phương pháp biến dạng lớn (PDA)	ASTM D4945:2000; TCVN 11321:2016
97	Cọc khoan nhồi - Xác định tính đồng nhất của bê tông - Phương pháp xung siêu âm	TCVN 9396:2012
98	Kiểm tra độ thẳng thành vách cọc khoan nhồi	TCVN 9395:2012
99	Siêu âm thành vách hố khoan cọc khoan nhồi	TCVN 9395:2012
100	Thí nghiệm xuyên tĩnh (CPT)	TCVN 9352:2012
101	Xác định độ chặt của đất bằng xuyên vít	ASTM D2573-08
102	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)	TCVN 9351:2012
103	Xác định thành phần hạt của đất trong điều kiện hiện trường	22 TCN 66:1984
104	Xác định độ thấm nước của đất bằng đồ nước hố đào, hố khoan	TCVN 8731:2012
105	Xác định cường độ kéo nhỏ giữa cốt thép, bulông và bê tông	TCVN 9490:2012; ASTM C900-06
106	Kiểm tra lực kéo nhỏ của bulông, thép	ASTM E488:95
107	Kiểm tra không phá hoại xác định chiều rộng vết nứt bê tông bằng kính lúp	TCVN 5879:2009
108	Xác định sức chịu tải của đất, cát đắp nền	ASTM D1194:1994
109	Thí nghiệm nhỏ cọc cốt thép; Thép neo; Bulông neo	ASTM D3689-90
110	Ống công bê tông cốt thép: Kiểm tra khuyết tật ngoại quan, sai lệch kích thước, chiều dày lớp bê tông bảo vệ cốt thép, độ vuông góc của ống, khả năng chịu tải, mối liên kết, cường độ bê tông, độ thấm nước	TCVN 9113:2012; ASTM C76
111	Cống hộp: Kiểm tra khuyết tật ngoại quan, sai lệch kích thước, chiều dày lớp bê tông bảo vệ cốt thép, độ	TCVN 9116:2012; ASTM C76

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
(1)	(2)	(3)
	vuông góc của đầu ống, khả năng chịu tải, mối liên kết, cường độ bê tông, độ thấm nước	
112	Mương bê tông cốt thép thành móng đúc sẵn: Xác định khả năng chịu tải, khả năng chống thấm nước, sai lệch kích thước và các khuyết tật ngoại quan	TCVN 6394:2014
113	Nắp hố ga, nắp chắn rác, nắp bể cáp	BS EN 124:2015; TCVN 10333-3:2014
114	Hố ga thu nước mưa và hố ngăn mùi	TCVN 10333-1:2014
115	Bó vỉa bê tông đúc sẵn	TCVN 10797:2015
116	Gối công bê tông đúc sẵn	TCVN 10799:2015
117	Kênh bê tông đúc sẵn	TCVN 11362:2016
118	Xác định thời gian đông kết của hỗn hợp bê tông bằng khả năng chống thấm nhập	ASTM C 403
119	Kiểm tra độ bằng phẳng và siêu âm thành vách	CVN 9395: 2012; 22TCN 257:00
VIII	GÓI CẦU CAO SU, KHE CO GIÃN, RON CAO SU, BĂNG CHẶN NƯỚC	
120	Gối cầu, khe co giãn: Xác định độ cứng shore A; Mô đun trượt; Cường độ chịu kéo; Độ đàn hồi; Cường độ kết dính; Biến dạng nén dư	TCVN 10308:2014; A STM D395; AASHTO M251:06
121	Băng chặn nước, băng chống thấm đàn hồi: Xác định sai lệch kích thước: Khối lượng riêng; Độ cứng Shore A, Brinell; Cường độ chịu kéo; Độ đàn hồi khi đứt; Độ bền hóa chất; Hệ số hóa già ở 70°C X24H	TCVN 9407:2014; TCVN 9384:2012; ASTM D412:1997; ASTM D2240:2005
IX	ỐNG VÀ PHỤ KIỆN HDPE, ÓNG VÀ PHỤ TÙNG NÓI BẰNG PVC, ÓNG XOẮN NHỰA HDPE, BẢO ÔN	
122	Thử nghiệm ống nhựa: Xác định đường kính, chiều dày thành ống, do áp suất bên trong: Xác định độ va đập; Thử độ chịu nhiệt; Hàm lượng chiết ra được của chì, thiếc, cadimi và thủy ngân	TCVN 6145:2007; TCVN6149-1:2007; TCVN 6144:2003; ASTM D1525; TCVN 9070:2012; ISO 4427; TCVN 6146:1996; ISO 6992:1986 TCVN 6140:21996; ISO 3114:1977

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
(1)	(2)	(3)
123	Ống và phụ tùng nổi bằng PVC: Xác định kích thước; Độ bền với áp xuất bên trong; Độ bền va đập bên ngoài; Nhiệt độ hóa mềm vicat	TCVN 6151:1996
124	Xác định độ bền kéo và giãn dài	TCVN 7434:2004
125	Ống nhựa gân xoắn HDPE: Xác định kích thước và sai lệch; Độ bền của ống trong môi trường hóa chất, độ biến dạng hình học và áp lực nén ngoài của ống; Áp lực trong của ống	TCVN 9070:2012
X	NƯỚC	
126	Xác định độ PH	TCVN 6492:2011; AASHTO T26-79
127	Xác định hàm lượng clorua (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996; ASTM D512:04
128	Xác định hàm lượng Sunfat (SO ₄ ²⁻)	TCVN 6200:1996; ASTM D516:102
129	Xác định lượng muối hòa tan; Xác định hàm lượng cặn không tan	TCVN 4560:1988
130	Xác định hàm lượng chất hữu cơ	TCVN 4565:1988
XI	KÍNH	
131	Kính xây dựng: Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 7219:2018
132	Kính phẳng tôi nhiệt: Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan; Độ cong vênh; Ứng suất bề mặt của kính; Độ bền va đập bị rơi; Độ bền va đập con lăn	TCVN 7455:2013
133	Kính dán dán nhiều lớp và kính dán an toàn nhiều lớp: Xác định sai lệch kích thước và hoàn thiện cạnh sản phẩm; Khuyết tật ngoại quan; Thử độ bền; Thử độ va đập bị rơi, con lăn	TCVN 7364:2004; TCVN 7368:2013
XII	SƠN	
134	Xác định độ phủ	TCVN 2095:1993
135	Sơn – Phương pháp không phá hủy xác định chiều dày màng sơn khô	TCVN 9406:2012
136	Sơn tín hiệu giao thông - Vật liệu kẻ đường phản quang nhiệt dẻo: Xác định màu sắc; Thời gian khô; Độ phát sáng; Độ bền nhiệt; Hàm lượng hạt thủy tinh; Hàm lượng chất tạo màng; Độ chống trượt; Độ phản quang; Nhiệt độ hóa mềm; Độ mài mòn; Độ kháng cháy; Khối lượng riêng; Độ dính bám	TCVN 9791:2018; TCVN 8791:2011; ASTM D6628

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
(1)	(2)	(3)
137	Sơn tín hiệu giao thông - Sơn vạch đường hệ dung môi và hệ nước: xác định độ mịn; Độ nhớt; Màu sắc; Độ phát sáng; Độ dính bám; Độ chống loang màu; Độ mài mòn	TCVN 8786:2018
138	Sơn tường dạng nhũ tương: xác định độ bám dính, độ rửa trôi và chu kỳ nóng lạnh	TCVN 8652:2012
XIII	GẠCH, NGÓI	
139	Gạch bê tông: Kiểm tra kích thước hình học, khuyết tật ngoại quan; Cường độ nén; Độ hút nước; Độ thấm nước; Độ rỗng	TCVN 6477:2016
140	Gạch xi măng lát nền: Kiểm tra khuyết tật ngoại quan; Độ mài mòn; Độ hút nước; Độ chịu lực xung kích; Tải trọng uốn gãy toàn viên và độ cứng lớp mặt; Độ bền nén	TCVN 6065:1995
141	Gạch Terazo: Kiểm tra kích thước, khuyết tật ngoại quan; Cường độ nén, uốn; Độ hút nước; Độ mài mòn	TCVN 7744:2013
142	Gạch bê tông tự chèn: Kiểm tra kích thước, khuyết tật ngoại quan; Cường độ nén; Độ hút nước; Độ mài mòn	TCVN 6476:1999
143	Gạch Granit: Xác định chất lượng bề mặt; Độ hút nước	TCVN 6883:2001
144	Gạch Granito: Xác định sai lệch kích thước; Độ mài mòn; Độ cứng lớp mặt; Độ chịu lực xung kích	TCVN 6074:1995
145	Ngói: xác định tải trọng uốn gãy, độ hút nước, thời gian xuyên nước, khối lượng một mét vuông ngói bão hòa nước	TCVN 4313:1995
XIV	NHŨ TƯƠNG NHỰA ĐƯỜNG GÓC AXIT	
146	Xác định độ nhớt Saybolt Furol	TCVN 8817-2:2011
147	Xác định độ lắng và độ ổn định lưu trữ	TCVN 8817-3:2011
148	Xác định hàm lượng hạt quá cỡ	TCVN 8817-4:2011
149	Xác định diện tích hạt	TCVN 8817-5:2011
150	Xác định độ khừ nhũ	TCVN 8817-6:2011
151	Xác định độ dính bám và tính chịu nước	TCVN 8817-8:2011
152	Thử nghiệm chứng cất	TCVN 8817-9:2011
153	Xác định độ bay hơi	TCVN 8817-10:2011
154	Nhận biết nhũ tương nhựa đường axit phân tích nhanh	TCVN 8817-11:2011
155	Nhận biết nhũ tương nhựa đường axit phân tích nhanh	TCVN 8817-12:2011
156	Xác định khả năng trộn lẫn với nước	TCVN 8817-13:2011

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
(1)	(2)	(3)
157	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 8817-14:2011
158	Xác định độ bám dính với cốt liệu tại hiện trường	TCVN 8817-15:2011
159	Xác định hàm lượng chất thu được khi chưng cất	22TCVN 354:2006
XV	NHỰA ĐƯỜNG LÔNG	
160	Thử nghiệm xác định nhiệt độ bắn lửa	TCVN 8818-2:2011
161	Thử nghiệm xác định hàm lượng nước	TCVN 8818-3:2011
162	Thử nghiệm chưng cất	TCVN 8818-4:2011
163	Thử nghiệm xác định độ nhớt tuyệt đối	TCVN 8818-5:2011
XVI	NHỰA POLIMER	
164	Nhựa Polimer: Xác định độ nhớt Saybolt Furol; Độ ổn định lưu trữ 24 h; % lượng hạt quá cỡ; Điện tích hạt; Độ khử nhũ; Thử nghiệm trộn với xi măng; Độ dính bám và tính chịu nước; Thử nghiệm chưng cất; Thử nghiệm bay hơi; Độ dính bám với cốt liệu tại hiện trường.	TCVN 8816:2011
XVII	VẢI ĐỊA KỸ THUẬT, BẮC THẨM, VỎ BỌC BẮC THẨM	
165	Vải địa kỹ thuật: Xác định lực kéo giật và độ dẫn dài kéo giật; Lực xé rách hình thang; Lực xuyên thủng CBR; Lực kháng xuyên thủng; Áp lực kháng bụi; Kích thước lỗ biểu kiến; Trọng lượng trên đơn vị diện tích; Chiều dày tiêu chuẩn; Cường độ chịu kéo theo phương dọc và phương ngang; Độ dẫn dài khi kéo đứt; Độ thấm xuyên; Khả năng thấm của vải địa kỹ thuật; Khả năng thoát nước của vải địa kỹ thuật và bắc thẩm; Khả năng chịu tia cực tím, nhiệt độ và độ ẩm	TCVN 8871-1÷6:2011; A STM D6241:00; A STM D4533-11; ASTM D4595; A STM D5261; TCVN 8487:2010; ASTM D5199; ASTM D4491:99; ASTM D4716:03
166	Bắc thẩm, vỏ bọc: Xác định khối lượng; Chiều dày; khả năng thoát nước với áp lực; Lực chịu kéo; Độ dẫn dài; Hệ số thấm; Kích thước lỗ O95	ASTM D3776; ASTM D5199; ASTM D4716; ASTM D4595; ASTM D4632; TCVN 9355:2012
167	Lưới địa kỹ thuật cốt sợi thủy tinh: Xác định cường độ chịu kéo khi đứt theo phương dọc; Cường độ chịu kéo khi đứt theo phương ngang; Độ giãn dài khi đứt theo phương dọc; Độ giãn dài khi đứt theo phương ngang; Độ bền nhiệt của lưới cốt sợi thủy tinh; Kích thước ô lưới; Môđun	ASTM D6637; ASTM D5261

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
(1)	(2)	(3)
XVIII	NHỰA BITUM	
168	Xác định độ kim lún, chỉ số kim lún PI	TCVN 7495:05, Phụ lục II - TT27/BGTVT
169	Xác định độ kéo dài	TCVN 7496:2005
170	Xác định nhiệt độ hóa mềm (Phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:2005
171	Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 7498:2005 TCVN 8818-2:2011
172	Xác định lượng tổn thất sau khi đun nóng ở 163°C trong 5h	TCVN 7499:2005
173	Xác định lượng hòa tan của nhựa trong tricloretylen	TCVN 7500:2005
174	Xác định khối lượng riêng	TCVN 7501:2005
175	Xác định độ nhớt động học, nhớt tuyệt đối	TCVN 7502:2005
176	Xác định hàm lượng paraffin bằng phương pháp chưng cất	TCVN 7503:2005
177	Xác định độ dính bám với đá	TCVN 7504:2005
XIX	BÊ TÔNG NHỰA	
178	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011
179	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy li tâm	TCVN 8860-2:2011
180	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011
181	Xác định tỉ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011
182	Xác định tỉ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái đầm nén	TCVN 8860-5:2011
183	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011
184	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011
185	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011
186	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011
187	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011
188	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011
189	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011
190	Hỗn hợp bê tông nhựa nóng - Thiết kế theo phương pháp Marshall	TCVN 8820:2011

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
(1)	(2)	(3)
XX	BỘT KHOÁNG TRONG BÊ TÔNG NHỰA	
191	Xác định: Hình dáng bên ngoài; Thành phần hạt; Hàm lượng mất khi nung; Hàm lượng nước; Khối lượng riêng; Khối lượng thể tích và độ rỗng của bột khoáng; Hệ số háo nước; Hàm lượng chất hòa tan trong nước	22TCN 58:1984; TCVN 7572-2:2006; AASHTO T11
192	Xác định: Khối lượng riêng của bột khoáng và nhựa đường; Khối lượng thể tích và độ rỗng dư của bột khoáng chất và nhựa đường; Độ trương nở của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường; Chỉ số hàm lượng nhựa của bột khoáng	ASTM C136; ASTM D5329
XXI	VỮA XÂY DỰNG	
193	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2003
194	Xác định độ lưu động của vữa tươi (phương pháp bàn dẫn)	TCVN 3121-3:2003
195	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2003
196	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8:2003
197	Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi	TCVN 3121-09:2003
198	Xác định Khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10:2003
199	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-11:2003
200	Xác định cường độ bám dính của vữa đã đông rắn trên nền	TCVN 3121-12:2003
201	Xác định hàm lượng ion clo hòa tan trong nước	TCVN 3121-17:2003
202	Xác định độ hút nước của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-18:2003
XXII	THẠCH CAO, BỘT BÀ	
203	Tằm thạch cao: Xác định độ cứng, cường độ nén; Độ biến dạng; Độ hút nước	TCVN 8256:2009
204	Bột bà: Xác định độ mịn; Thời gian đông kết; Độ giữ nước; Độ cứng bề mặt; Cường độ dính bám	TCVN 7239:2014

Ghi chú (*): Các tiêu chuẩn kỹ thuật của phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật của phép thử thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.